

Bản án số: 73/2026/HS-ST

Ngày: 09-4-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Truyền

2. Bà Nguyễn Thị Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2026/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 47/2026/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

Đỗ C, tên gọi khác: không; sinh ngày: 18/9/1979 tại thành phố Đà Nẵng; Căn cước công dân số: 048079002688; ngày cấp: 22/12/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ E, phường H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ K (đã chết) và bà Bùi Thị P (sinh năm 1950); vợ: Trần Thị H (sinh năm 1993); con: có 02 con.

Tiền án, tiền sự: chưa.

Nhân thân: Năm 1999, có hành vi chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng chưa đến mức truy cứu TNHS, Công an quận L, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định xử phạt VPHC, phạt tiền: 50.000 đồng. Đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28/10/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân Trại tạm giam Hòa Khánh thuộc Trại tạm giam số 01 Công an thành phố Đ, có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Bà Bùi Thị N, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ G, phường L, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Phạm Văn V, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ G, phường L, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2016, bà Bùi Thị N (sinh năm 1981; trú tại Tổ G, phường H, quận L (nay là phường L), thành phố Đà Nẵng có phát sinh quan hệ tình cảm với Đỗ C và giữa hai người nhiều lần quan hệ tình dục với nhau. Quá trình quen biết, hai người có nhiều lần gọi video call trong tư thế khỏa thân và Đỗ C đã chụp ảnh màn hình bộ phận sinh dục của bà N lưu vào điện thoại với mục đích để thỉnh thoảng lấy ra xem. Đến năm 2018, chồng bà N là ông Phạm Văn V bị bệnh nên bà N muốn chấm dứt mối quan hệ với C nhưng C không đồng ý và giữa hai người vẫn qua lại với nhau.

Đến khoảng tháng 3/2023, bà N muốn chấm dứt mối quan hệ này nhưng C vẫn tiếp tục níu kéo. Từ thời điểm này trở đi, giữa hai người không phát sinh quan hệ tình dục nên Chát bức tức, nhiều lần nhắn tin chửi bà N, bà N cũng nhiều lần nhắn tin chửi C. Đỗ C sử dụng zalo tên “Nhà đất Hưng Phát Đ” qua số điện thoại 0905.116.319 gửi hình ảnh nhạy cảm của bà N cho chính bà N và yêu cầu bà N phải đưa cho C số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) nếu không thì C sẽ gửi hình ảnh này cho chồng bà N và nói cho mọi người xung quanh biết về mối quan hệ bất chính giữa bà N và C. Vì không có tiền nên bà N tìm mọi cách trì hoãn, kéo dài. Đến tháng 6/2023 thì C sử dụng tài khoản zalo trên nhắn tin cho ông Phạm Văn V và nói cho ông V biết về mối quan hệ giữa bà N và C. Tuy nhiên, C chưa gửi hình ảnh nhạy cảm của bà N cho ông V. Đồng thời, C liên tục nhắn tin chửi bới và đòi bà N số tiền 100.000.000 đồng. Giữa bà N và C có thỏa thuận, nếu bà N đưa cho C số tiền 100.000.000 đồng thì C sẽ đưa điện thoại của C cho bà N xóa toàn bộ hình ảnh nhạy cảm và viết giấy cam kết sẽ không làm phiền đến cuộc sống của bà N nữa. Do không có tiền nên bà N nhiều lần tìm lý do để trì hoãn. Đến tháng 8/2023, do không đòi được tiền từ bà N nên C đã gửi hình ảnh nhạy cảm của bà N cho ông V mục đích để bà N lo sợ và trả tiền cho C.

Từ tháng 8/2023 đến tháng 11/2023, C liên tục nhắn tin chửi bới với vợ chồng ông V – bà N, gửi hình ảnh nhạy cảm của bà N cho ông V, đồng thời, gửi ảnh con của bà N (hình ảnh này C lấy trên facebook) cho bà N và đe dọa sẽ theo dõi con bà N rồi nói cho những người bạn của con bà N, những người thân và bạn bè, hàng xóm, người quen biết của bà N biết về mối quan hệ bất chính để ép bà N giao tiền khiến bà N hết sức lo sợ, nhưng do không có tiền nên không thể đáp ứng. Khi C biết bà N không có tiền thì C có nhắn tin yêu cầu bà N đưa trước 10.000.000 – 20.000.000 đồng, số còn lại thì đưa sau. Vì không có tiền nên bà N không thể đáp ứng yêu cầu của C và đến tháng 11/2023, do quá lo sợ Đỗ C không nhận được tiền sẽ có hành vi gây thiệt hại đến gia đình nên vợ chồng bà N đã làm đơn tố cáo đến cơ quan công an.

* Kết quả trưng cầu giám định: Ngày 15/8/2025, Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng có Kết luận giám định số: 627/KL-KTHS về việc dịch thuật đối với 27 (*Hai mươi bảy*) tập tin ghi âm cuộc trò chuyện giữa bà N và ông C trong thời gian từ năm 2021 đến cuối năm 2023. Kết luận không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung âm trong các tệp âm thanh mẫu cần giám định.

* Tài liệu, đồ vật thu giữ: 01 (một) USB nhãn hiệu Kingston, màu đen, dung lượng 32GB; 01 (một) đĩa DVD, trên mặt đĩa có chữ MAXELL; 01 (một) USB nhãn hiệu Kingston, màu đen, dung lượng 64Gb.

Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng truy tố Đỗ C về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố là đúng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đỗ C phạm tội "*Cưỡng đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đỗ C từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án: 01 (một) USB nhãn hiệu Kingston, màu đen, dung lượng 32GB; 01 (một) đĩa DVD, trên mặt đĩa có chữ MAXELL; 01 (một) USB nhãn hiệu Kingston, màu đen, dung lượng 64Gb.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên không đề cập.

Về án phí: Buộc bị cáo Đỗ C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Đỗ C không có ý kiến tranh luận, đối đáp gì với vị đại diện Viện kiểm sát.

- Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tranh luận, đối đáp với vị đại diện Viện Kiểm sát: Thưa Hội đồng xét xử chúng tôi cho rằng mức đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là quá nhẹ, chưa tương xứng với hành vi của bị cáo đã gây ra; đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết xét xử vụ án nghiêm minh, đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát tranh luận, đối đáp với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Thưa Hội đồng xét xử, đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo đề nghị mức hình phạt, còn quyết định mức hình phạt bao nhiêu do Hội đồng xét xử quyết định.

- Bị cáo Đỗ C nói lời sau cùng: Thưa Hội đồng xét xử, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện là

hợp pháp.

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Qua xem xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa với những lời khai trong quá trình điều tra; lời khai người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; biên bản làm việc; bản kết luận định giám định..., cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ năm 2016, Đỗ C và bà Bùi Thị N có quan hệ tình cảm nên C đã lưu giữ và điện thoại của mình những hình ảnh nhạy cảm là bộ phận sinh dục của bà N; khi bà N đề nghị chấm dứt mối quan hệ tình cảm thì cả hai phát sinh mâu thuẫn. Năm được điểm yếu của bà N là người đã lập gia đình nên từ tháng 8/2023 đến tháng 11/2023, Đỗ C nhiều lần nhắn tin đe dọa và gửi những hình ảnh nhạy cảm của bà N cho chồng bà N cũng như đe dọa sẽ thông báo cho nhiều người khác biết sự việc bà N có mối quan hệ yêu đương với mình nhằm đe dọa, uy hiếp tinh thần, ép buộc bà N phải đưa số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), do quá lo sợ nên bà N phải làm đơn gửi cơ quan chức năng. Hành vi gửi những hình ảnh nhạy cảm, nhắn tin, gọi điện để đe dọa, uy hiếp tinh thần buộc bà N phải đưa số tiền 100.000.000 đồng cho bị cáo không những xâm phạm đến quyền tự định đoạt về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn thể hiện sự tha hóa về đạo đức, lối sống; suy đồi về nhân cách; vi phạm những chuẩn mực, thuần phong, mỹ tục của dân tộc Việt Nam. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, mặc dù bà N chưa chuyển số tiền 100.000.000 đồng theo yêu cầu của bị cáo nhưng đã làm cho bà N hoang mang, lo lắng trong thời gian dài; hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành của tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*” như Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật; nhân thân bị cáo xấu, năm 1999, có hành vi chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, bị Công an quận L, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 50.000 đồng, lẽ ra bị cáo phải tu dưỡng bản thân, là người công dân có ích cho gia đình và xã hội nhưng bị cáo lại phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian và áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra mối đe dọa răn đe, giáo dục để bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời nhằm mục đích phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đỗ C không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo thành khẩn và có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng khoản 5 Điều 170; điểm e khoản 2 Điều 32 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*).

[6] Xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) USB nhãn hiệu Kingston, màu đen, dung lượng 32GB; 01 (một) đĩa DVD, trên mặt đĩa có chữ MAXELL và 01 (một) USB nhãn hiệu Kingston, màu đen, dung lượng 64Gb là chứng cứ của vụ án nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục lưu trữ vào hồ sơ vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Bùi Thị N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[8] Đối với nội dung bà Bùi Thị N tố cáo Đỗ C có hành vi ép buộc quan hệ tình dục nhưng không có các tài liệu chứng cứ chứng minh nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[9] Bà Bùi Thị N đã đăng ký kết hôn với ông Phạm Văn V. Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến tháng 3/2023, bà N và Đỗ C có mối quan hệ tình cảm nhưng không có tài liệu, chứng cứ thể hiện cả hai sống chung như vợ chồng nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý về hành vi vi phạm chế độ một vợ một chồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[10] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị cáo Đỗ C cho rằng có cho bà Bùi Thị N mượn tiền; bị hại Bùi Thị N trình bày bà không vay mượn tiền của Đỗ C mà chỉ có Đỗ C chất mượn tiền của bà; các bên trình bày có vay mượn tiền của nhau nhưng không có tài liệu chứng cứ thể hiện việc vay mượn tiền nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét trong vụ án này. Trường hợp bị cáo C và bà Bùi Thị N có các tài liệu chứng cứ thể hiện việc vay mượn tiền của nhau và có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[11] Xét đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát đề nghị về mức hình phạt đối với bị cáo là chưa nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, cần xét xử bị cáo mức hình phạt trong khung hình phạt mà điều luật quy định nhưng cao hơn mức đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát để thể hiện tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[13] Về án phí: Bị cáo Đỗ C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đỗ C phạm tội "*Cưỡng đoạt tài sản*".

1. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025. Tuyên xử,

Xử phạt: Bị cáo Đỗ C 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28 tháng 10 năm 2025.

Áp dụng khoản 5 Điều 170; điểm e khoản 2 Điều 32 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung đối với bị cáo Đỗ C số tiền 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*) để cung vào ngân sách nhà nước.

2. Xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) USB nhãn hiệu Kingston, màu đen, dung lượng 32GB; 01 (một) đĩa DVD, trên mặt đĩa có chữ MAXELL và 01 (một) USB nhãn hiệu Kingston, màu đen, dung lượng 64Gb là chứng cứ của vụ án nên cần tiếp tục lưu trữ vào hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Buộc bị cáo Đỗ C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, tuyên xử:

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 4 – Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra CATP Đà Nẵng;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an TP. Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đức Thiện